

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu: Mua vật tư y tế tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2024 với nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Ung bướu Thanh Hoá
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ và tên: Lê Thị Thuý
 - Số điện thoại liên hệ: 0376.000.093
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Báo giá gửi về địa chỉ: Bộ phận văn thư, Bệnh viện Ung Bướu Thanh Hóa, Ngõ 958 đường Quang Trung, Phường Đông vệ, TP. Thanh Hoá
 - Ghi rõ nội dung: Báo giá gói thầu: Mua vật tư y tế tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2024
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trong vòng 12 ngày kể từ ngày phát hành yêu cầu báo giá.
 - Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày phát hành báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá.

- Danh mục hàng hoá, dịch vụ: (Phụ lục 01: danh mục hàng hóa kèm theo)
- Địa điểm cung cấp hàng hoá, dịch vụ: Bệnh viện Ung bướu Thanh Hoá.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Năm 2024 và năm 2025
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: căn cứ theo hợp đồng ký kết.
- Nội dung khác:
 - Các nhà cung cấp gửi báo giá theo mẫu tại phụ lục 02: Biểu mẫu báo giá

Rất mong sự hồi đáp của các Quý công ty, xin trân trọng cảm ơn! *Creee*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT; TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG MUA SẮM

CHỦ TỊCH



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Hưng

PHỤ LỤC 02 : BIỂU MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo **YẾU CẦU** số: **300/BVUB-HĐMS** ngày **22 /03/2024** của **BVUB** tỉnh Thanh Hóa)

BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các vật tư y tế như sau:

1. Báo giá cho các vật tư y tế và dịch vụ liên quan

STT	Mã VTYT chào giá	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật đáp ứng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng/nước SX	Thông tin kê khai	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
1	24.UBVT.1									
2	24.UBVT.2									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế nếu có)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 30/BVUB-HDMS ngày 22/03/2024 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa)



PHỤ LỤC 01: DANH MỤC HÀNG HÓA

STT	Mã VTYT	Tên VTYT mới chào giá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	24.UBVT.1	Bông không thấm nước	Bông mở 100% bông xơ thiên nhiên bông không hút nước, màu trắng ngà của bông xơ. Bông xoắn, mềm, mịn	Kg	5
2	24.UBVT.2	Tăm bông vô trùng	Que tăm bông dùng lấy mẫu bệnh phẩm, mỗi que đựng riêng trong từng ống nhựa. Dài tối đa 18cm - Thân que được làm bằng gỗ, một đầu gắn chặt với nắp ống, 1 đầu cuốn bông	Cái	3,000
3	24.UBVT.3	Xà phòng rửa tay sát khuẩn 4%	Thành phần: Chlorhexidine digluconate 4,0% (w/w), C8-16 fatty alcohol glucoside (<10%), Coconut fatty acid diethanolamide (<10%), Lauryl Alcohol Ethoxylates (<1%), Cocamidopropyl betaine (<10%), Acetic acid glacial (<10%), isopropanol (<10%), chất làm mềm, làm ẩm bảo vệ da tay. - Thành phần chăm sóc da: Tinh chất lô hội Có tác dụng diệt hoàn toàn đối với các vi khuẩn Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Mycobacterium tuberculosis và nấm Candida albicans sau 30 giây tiếp xúc. pH=5-6,5	Lít	120
4	24.UBVT.4	Chế phẩm sát khuẩn tay phẫu thuật	Thành phần chính: Chlorhexidine Digluconate 4% (K/K). pH nằm trong khoảng 5-8	Lít	300
5	24.UBVT.5	Dung dịch khử khuẩn phun bề mặt	Thành phần chính: Didecyl dimethyl ammonium Chloride 0,05% (K/lít). Có chất hoạt động bề mặt. pH nằm trong khoảng 5-8	Lít	100
6	24.UBVT.6	Viên sát khuẩn	Viên sủi khử khuẩn chứa 2,5g Troclosesene Sodium 50% (50% DICHLOR-ISOCYANURATE NATRI khan, Adipic acid 22,5%, thành phần khác 27,5%). Dạng viên sủi tan nhanh trong nước tạo dung dịch có pH Acid 6,2. Khử khuẩn dụng cụ, bề mặt, đồ vải.	viên	1,000
7	24.UBVT.7	Băng dính lụa 5cmx9, 1m	Kích thước: 5cm x 9, 1m - Băng có cấu tạo nền vải lụa : 50 - 70%, Phủ lớp keo Acrylate (30- 50%), Polyure : < 1%, không chứa mù cao su, độ dính tốt, ít gây dị ứng và không sót keo khi tháo băng ra. - Có thể được xé theo 2 chiều một cách dễ dàng và thuận tiện - Bền chắc, thông thoáng cho da, chống thấm nước.	Cuộn	2,000
8	24.UBVT.8	Gạc phẫu thuật không dệt 7.5cm x7.5cm x6 lớp vô trùng	Gạc phẫu thuật 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp. Đóng gói vô khuẩn bằng túi giấy y tế chuyên dụng có tem chỉ thị màu để phân biệt độ tiệt trùng của sản phẩm. Thời gian chìm không quá 10 giây; Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; Độ ẩm: Không quá 8%;	Miếng	18,000
9	24.UBVT.9	Gạc phẫu thuật ở bụng 30cm x 40cm x 8 lớp, tiệt trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Có sợi cản quang để kiểm tra sót gạc.	Miếng	30,000

10	24.UBVT.10	Bộ bơm tiêm 150ml dùng cho máy bơm tiêm cân quang	Sử dụng 1 lần, dùng cho máy bơm tiêm thuốc cân quang Illumena Neo Áp suất giới hạn 1200psi Bộ gồm: + 1 xi lanh 150ml áp lực cao+ 01 ống lấy thuốc Vật liệu: Copolyester, không latex, cao su tổng hợp, PolycarbonateTiệt trùng.	Cái	250
11	24.UBVT.11	Bộ bơm tiêm cân từ	Dùng được cho máy bơm cân từ Medrad Spectris Solaris - Áp suất giới hạn 350psi - Chất liệu Polyethylene Terephthalate an toàn, không DEHP - Bộ đóng gói gồm 1 bơm tiêm cân từ 65ml đường kính trong 2,7cm, 1 bơm tiêm nước muối 115ml đường kính trong 3,6cm, 1 dây nối chữ T chống xoắn dài 150cm. - Đồng bộ với máy Medrad Spectris Solaris EP, có đầu chỉ phát hiện nhanh ống bơm đã được nạp thuốc -Tiệt khuẩn	Cái	100
12	24.UBVT.12	Bộ bơm tiêm 200ml cho máy bơm tiêm cân quang trong chụp CT	Sử dụng 1 lần, dùng được cho máy bơm tiêm thuốc cân quang Optivantage - Áp suất giới hạn 400psi - 1 Bộ gồm: + 02 xi lanh 200ml + 01 dây áp lực Y dài 150cm có 2 van một chiều + 02 ống lấy thuốc - Chất liệu: cao su tổng hợp PVC, polypropylene, polycarbonate, không latex. - Tiệt trùng	Cái	300
13	24.UBVT.13	Bơm cho ăn 50ml	Bơm tiêm nhựa dung tích 50ml, độc xilanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Piston và vỏ bơm được làm bằng nhựa Polypropylen, không chứa độc tố DEHP, không có độc tố và chất gây sốt. Đóng gói vô trùng	cái	2,000
14	24.UBVT.14	Bơm tiêm 3ml	Bơm tiêm nhựa liền kim, dung tích 3ml. Đầu kim vát 3 cạnh. Thân kim: làm bằng thép không gỉ và không bị oxy hóa. Vỏ bơm tiêm: Làm bằng nhựa y tế, không có chất gây sốt, độc tố, kim loại nặng, không chứa DEHP. Đóng gói vô trùng	cái	15,000
15	24.UBVT.15	Kim chọc dò và gây tê tủy sống	Đầu kim 3 mặt vát, bén, giảm nguy cơ tụ máu dưới màng cứng. Thiết kế lăng kính pha lê phản quang trong chuôi kim.- Thành kim mỏng cho dòng chảy tốt- Độc kim Polypropylene (PP) trong suốt để quan sát dịch não tủy, có nhiều rãnh ngang giúp cầm chắc chấ- Tiệt trùng- Mã code theo màu sắc để chọn lựa - Kích thước:- 18GX3 1/2" (1.25mm)X88mm- 20G x 3 1/2" (0.90mm)X88mm- 21G x 3 1/2" (0.80mm)X88mm- 22G x 3 1/2" (0.70mm)X88mm- 25G x 3 1/2" (0.50mm)X88mm- 27G x 3 1/2" (0.41mm)X88mm	cái	500
16	24.UBVT.16	Kim sinh thiết bán tự động các cỡ	*Kim sinh thiết mô mềm và các tạng (gan, phổi, thận...) * Các cỡ 14G, 16G, 18G, 20G. - Độ dài 7cm, 10cm, 15cm, 18cm, 20cm, 25cm có kèm kim đồng trục. *Mã hóa bằng màu sắc. Tay cầm gọn nhẹ.	Cái	750

			<ul style="list-style-type: none"> * Hai nắp lấy mẫu: 10mm /20mm. * Vạch chỉ thị sắc nét, thấy được trên siêu âm * Kim sinh thiết xương đầu kim định chớp (Vật kiểu vương miện) và tay cầm giải phẫu chữ T chắc chắn khi cầm. * Kim bao gồm: thân kim, đầu ống thông dạng định chớp (vương miện) * Kích thước 8G,11G,13G độ dài 100, 150mm * Vô trùng, không chứa latex 			
17	24.UBVT.17	Kim sinh thiết xương	<ul style="list-style-type: none"> Chiều dài dây 180cm - Đường kính trong dây: 3 mm. đường kính ngoài 4.1 mm - Dây truyền dịch 20 giọt/ml có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm - Cửa bơm thuốc hình chữ Y có thể dùng được nhiều lần. - Chịu được áp lực đến 2 bar - Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí - Màng lọc dịch 15 µm - Đầu khóa vận xoắn Luer Lock - Chất liệu PVC, Không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn 	Bộ	20,000	
18	24.UBVT.18	Dây truyền dịch có van lọc khí truyền hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> Chất liệu ống: Polypropylene hoặc PVC- Dây dài ≥ 150cm, có khóa Luer Lock - Có kim 21G sắc nhọn vát 3 cạnh. - Bầu nhỏ giọt có màng lọc ky nước.- Bầu nhỏ giọt có phin lọc máu, kích thước lỗ lọc 200µm. - Không độc, không gây sốt, tỷ lệ phân hủy máu < 5%.Đóng gói vô trùng - Chống nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhu dịch béo hay các loại thuốc - Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch - Chịu áp lực lớn hơn ≥ 4 bar - Dây nối dài ≥ 25 cm - Thể tích môi ≥ 2ml - Thời gian sử dụng ≥ 96h - Vật liệu Polyamide - Dây nối chất liệu PVC và chất làm mềm DEHT an toàn (không có chất DEHP) 	Cái	5,000	
19	24.UBVT.19	Dây truyền máu				
20	24.UBVT.20	Khóa ba chạc có dây	<ul style="list-style-type: none"> - Chống nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhu dịch béo hay các loại thuốc - Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch - Chịu áp lực lớn hơn ≥ 4 bar - Dây nối dài ≥ 25 cm - Thể tích môi ≥ 2ml - Thời gian sử dụng ≥ 96h - Vật liệu Polyamide - Dây nối chất liệu PVC và chất làm mềm DEHT an toàn (không có chất DEHP) 	Cái	13,000	
21	24.UBVT.21	Khóa ba chạc không dây	<ul style="list-style-type: none"> - Chống nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhu dịch béo hay các loại thuốc - Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch - Thể tích môi ≥ 0.26ml - Chịu áp lực lớn hơn ≥ 4 bar - Thời gian sử dụng ≥ 96h - Vật liệu polyamide 	Cái	3,500	
22	24.UBVT.22	Găng tay không bột	<ul style="list-style-type: none"> Làm từ cao su tự nhiên, không tồn dư bột Màu sắc: Màu trắng cao su tự nhiên Thiết kế và đặc tính: Sử dụng được cả hai tay (không phân biệt trái, phải), nhám đầu ngón tay, cổ tay cuộn. 	Cái	6,500	

23	24.UBVT.23	Khuôn đúc mẫu bệnh phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế một mảnh và chốt cài cho phép thao tác bằng một tay thuận tiện và giúp đóng lại nắp chắc chắn trong quá trình chế biến - Chất liệu nhựa không tan trong xylene. - Bền trong chia lỗ kích thước nhỏ - Kích thước: 40 x 28 x 6 mm 	Chiếc	35,000
24	24.UBVT.24	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm	Lọ nhựa y tế trung tính màu trắng trong, có nhãn màu trắng, có nắp vặn khí. Dung tích ≥ 50 ml	cái	13,000
25	24.UBVT.25	Ông nghiệm lấy máu Sodium Citrate 3.8% nắp nhựa	Ông nghiệm nhựa Polyethylene Terephthalate hoặc nhựa y tế PP. Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.8% hoặc Sodium Citrate nồng độ 3.8%, Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ông. Kích thước ông 12x75mm nắp bằng nhựa.	Cái	9,600
26	24.UBVT.26	Ông nghiệm lấy huyết thanh	Ông được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE đây kín thành ông và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lỏng trong của ông, dùng các hạt bi nhựa để tách nhanh huyết thanh. Kích thước ông 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút.	Cái	9,600
27	24.UBVT.27	Ông nghiệm mẫu thủy tinh 12mm x 80mm	Chất liệu thủy tinh dùng để đựng máu xét nghiệm. Thể tích 5ml (đường kính 12mm, cao 80mm, dày 0,6mm)	Cái	70,000
28	24.UBVT.28	Ông nghiệm nước tiểu thủy tinh 16mm x 100mm	Chất liệu thủy tinh dùng để đựng nước tiểu xét nghiệm. Thể tích 10ml (đường kính 16mm, cao 100mm, dày 0,6mm)	Cái	70,000
29	24.UBVT.29	Đĩa petri nhựa 90mm	Đĩa petri nhựa với kích thước đường kính 90mm cao 15mm. Đĩa petri sử dụng để cấy vi sinh trong phòng thí nghiệm. Đĩa petri nhựa trong suốt và bề mặt phẳng thuận tiện cho việc nuôi cấy và quan sát. Đĩa petri nhựa được tiệt trùng	Cái	3,000
30	24.UBVT.30	Canuyn mở khí quản các số	Canuyn mở khí quản các số, Chất liệu bằng nhựa, Có đầy đủ các cỡ số 4.0; 4.5; 5.0; 5.5; 6.0; 6.5; 7.0; 7.5; 8.0; 8.5; 9.0	cái	180
31	24.UBVT.31	Ông đặt nội khí quản có bóng	Ông đặt nội khí quản có bóng, làm bằng chất liệu nhựa PVC, có tia cản quang dọc thân ông. Sản phẩm được tiệt trùng. Các cỡ từ 3.0 - 9.0	cái	2,500
32	24.UBVT.32	Thông tiêu 2 nhánh	Thông tiêu 2 nhánh. Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ Dầu silicon giảm kích ứng, thành ông dày chống gãy gập, lỗ ông rộng dẫn lưu tốt, Bóng 30ml đối xứng, bóng thiết kế đặc biệt chống vỡ, Xông 2 nhánh, chất liệu không có chất DEHP. Các số 12;14;16;18;20;22	cái	2,000
33	24.UBVT.33	Bình dẫn lưu kín vết mổ	Bao gồm: Bình áp lực 3 lít xo dung tích 200 ml; 400ml, dây PVC, kết nối chữ Y, dây xả và trocar. - Bình áp lực 3 lít xo được thiết kế chống xẹp tối thiểu. Sản phẩm được đóng gói đảm bảo vô khuẩn khi dùng trong phòng mổ.	cái	600
34	24.UBVT.34	Ông dẫn lưu màng phổi	<ul style="list-style-type: none"> * Ông thông phổi kèm màng sắt giúp dễ chọc và có co nối đi kèm * Nguyên liệu PVC y tế cao cấp mềm chống xoắn, không latex. * Có 2 lỗ thoát dẫn lưu, đầu xa có co nối tapered để kết nối với bình dẫn lưu * Có vạch chia 5, 10, 15, 20 cm từ đầu xa giúp xác định vị trí đặt ông. * Dây đủ kích cỡ: 8F; 10F; 12F; 14F; 16F; 24F 	Cái	50

35	24.UBVT.35	Dây dẫn lưu silicon vô trùng	Chất liệu nhựa PVC y tế, ống dây mềm dẻo. Đường kính trong 5.0mm hoặc 7.0mm, đường kính ngoài: 7.0mm hoặc 10mm chiều dài 396mm . Được tiệt trùng	Cái	60
36	24.UBVT.36	Dây hút dịch phẫu thuật	Bè ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp. Độ đàn hồi cao, chịu được áp suất âm tối đa (-75kpa) không bị bóp méo. Đường kính ngoài ống: 7,7mm ; 9,9mm ; 10.6mm. Đường kính trong ống tương ứng: 5mm; 6,3mm; 7mm. Chiều dài ống \geq 2m. Không chứa độc tố DEHP.	Cái	1,500
37	24.UBVT.37	Dầu nối thẳng dẫn lưu	Chất liệu bằng nhựa cứng, có 1 đầu vát nhọn, chiều dài 10cm.	Cái	300
38	24.UBVT.38	Dây nối bơm tiêm điện 75cm	Dây nối bơm tiêm điện với khóa kết nối Luer lock, được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC, không chứa Latex, không chứa DEHP, dây mềm, chịu được áp lực cao.- Độ dài dây 75cm, đường kính ngoài 2.8mm, đường kính trong 1.5mm, thể tích chứa dịch của dây 1ml.- Đầu nối khóa ren, khóa bảo vệ, ống chống xoắn.- Sản phẩm tiệt trùng 100%.	Cái	15,000
39	24.UBVT.39	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Kim dẫn chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vặn xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn Có dao mổ và kim nong bằng nhựa Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 7F, chiều dài 20cm, 2 nòng D16/P16 Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG.	Cái	70
40	24.UBVT.40	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Kim dẫn đường chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí -Catheter bằng chất liệu polyurethan tương hợp cao, giúp lưu catheter lâu, đường kính ngoài 7F, dài 20cm, đường kính nòng G16,G18,G18 -Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn -Có dây điện cực để đo ECG, xác định vị trí đặt catheter	Cái	60
41	24.UBVT.41	Ống thông (catheter) chụp mạch ngoài biên	Cấu tạo: 3 lớp -Lớp giữa là lớp đan bằng thép không rỉ -Lớp trong và lớp ngoài là polyurethane rich nylon -Đoạn xa có lớp phủ ái nước -Đường kính lòng ống: 1.1 mm (cỡ 5Fr) và 1.03mm (cỡ 4Fr) Kích cỡ: 5Fr, 4Fr. Chiều dài: 65 cm, 70cm, 80 cm, 100 cm Có các hình dạng đầu kiểu: Cobra, J Curve, Yashiro type	Cái	250
42	24.UBVT.42	Vi dây dẫn đường can thiệp	Dây dẫn ái nước, lõi Scitanium, đầu tunsteng. Đường kính: 0.014" và 0.018". Độ dài: 135, 165, 190cm	Cái	100
43	24.UBVT.43	Vi dây dẫn can thiệp mạch bụng, có lõi đầu xa dẹt	-Vi dây dẫn can thiệp mạch vùng bụng có lõi bằng kim loại không gỉ được bao phủ bằng Polyurethane và lớp Polymer ái nước.	Cái	100

			<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính 0.016", chiều dài cân quang 3cm được làm bằng cuộn xoắn Platinum - Chiều dài phần đầu xa dạng thuôn dài 40cm. - Các hình dạng đầu: Straight và Angle. Các chiều dài: 135cm, 165cm, 180cm. - Phần đầu xa của vi dây dẫn nhờ xử lý lõi dẹt giúp tạo hình dễ dàng - Phụ kiện bao gồm dụng cụ định hình, chèn mạch, và dụng cụ vận lái. - Đã tiệt trùng. 		
44	24.UBVT.44	Vi dây dẫn đường (micro guide wire) các loại, các cỡ	<p>Dây dẫn dùng cho can thiệp: đường kính khoảng: Ø 0.016"/0.40 mm. Chiều dài tối thiểu có: 165 cm và 180 cm. Bề mặt cuộn dây phủ hydrophilic hoặc tương đương, cấu tạo tiếp không ri hoặc tương đương. Bề mặt thân: Phủ PTFE hoặc tương đương, chiều dài đoạn chặn bức xạ khoảng: 5 cm. Hình dáng đầu tip xa: thẳng; chiều dài thả coil khoảng: 30 cm</p> <ul style="list-style-type: none"> -Vi ống thông can thiệp mạch ngoại biên thiết kế hình dạng đầu tip thuôn hình bút chì cải thiện khả năng chọn lọc. - Phần thân ống thông linh hoạt với 10 độ cứng khác nhau thay đổi từ đầu gần đến đầu xa giúp tăng khả năng đẩy & chống xoắn tốt. -Các chiều dài: 110cm, 130cm, 150cm với 3 hình dạng đầu: Straight, Angle, Double Angle. -Đường kính trong 0.019"/0.022" tương thích với dây dẫn có đường kính tối đa 0.018". -Tương thích với hạt vi cầu nhỏ hơn 300µm. -Đường kính ngoài tại vị trí đánh dấu cân quang: đầu xa, đầu gần tương đương với 1.9F, 2.2F, 2.8F. -Tiệt trùng. Dụng cụ bao gồm 1 Syringe 2.5 mL, 1 Syringe 1mL, 1 dây nối chữ Y và 1 dụng cụ định hình đầu tip -Đầu tip xa thuôn dần và marker tại vị trí đầu xa giúp tăng khả năng theo dõi. -Chiều dài khả dụng 110cm, 130cm và 150cm. Với hình dạng đầu tip thẳng. -Đường kính ngoài tại vị trí của marker, đầu xa, đầu gần có kích thước lần lượt tương đương: 2.7Fr, 2.7Fr, 2.8Fr. -Đường kính trong là 0.70mm (0.027 inch). Tương thích với dây dẫn có đường kính tối đa là 0.54mm (0.021 inch) -Áp lực truyền tối đa là 6,895 kPa (1,000 psi) -Dụng cụ định hình đầu đi kèm giúp tạo nhiều loại hình dạng, dễ định hình và độ linh hoạt cao. -Tiệt trùng 	cái	100
45	24.UBVT.45	Vi ống thông can thiệp mạch ngoại biên	<p>Vi ống thông phủ ái nước. Đường kính gần cân 3F, xa cân 2.4F; đường kính trong 0.021" PTFE, áp lực đỉnh 1000 psi, độ dài 105, 130, 150cm. Chất liệu: bện kim loại và xơ tăng độ nhìn, chống gập, tương thích hạt hình cầu 700 micron hoặc hạt không hình cầu 500 micron. Dây dẫn ái nước, lõi Scitanium, đầu tunsteng</p>	cái	100
46	24.UBVT.46	Vi ống thông can thiệp gan, mạch máu tạng và ngoại biên dùng cho các mạch máu chọn lọc	<p>Vi ống thông can thiệp gan, mạch máu tạng và ngoại biên dùng cho các mạch máu chọn lọc</p>	cái	30
47	24.UBVT.47	Vi ống thông can thiệp mạch máu ngoại biên	<p>Vi ống thông can thiệp mạch máu ngoại biên</p>	cái	50

48	24.UBVT.48	Vi ống thông kèm vi dây dẫn	Vi ống thông phù ái nước. Đường kính gần cán 3F, xa cán 2.8F; đường kính trong 0.027" PTFE, áp lực định 800 psi, độ dài 105, 115, 135, 150cm. Chất liệu: bện kim loại và xơ tăng độ nhún, chống gập, tương thích hạt hình cầu 900 micron hoặc hạt không hình cầu 710 micron. Dây dẫn là ống nitinol cắt kim cương được thiết kế để chuyển tải mô men xoắn hoàn hảo để vượt qua các cấu trúc phức tạp nhất, đầu dây hợp kim vonfram dài 10cm cung cấp khả năng hiện thị vượt trội, phù ái nước đầu xa cán, phủ PTFE gần cán hỗ trợ đẩy, lái.	cái	40
49	24.UBVT.49	Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch máu	Microcatheter dùng trong can thiệp mạch. Có 3 loại đầu tip: thẳng, cong 45 độ, đầu cong cổ thiên nga. Chiều dài lớp ái nước 80cm. Có 1 marker ở đầu tip. Khoảng cách từ đầu tip đến marker 1.3mm. Chiều dài: 110, 130, 150 cm. Đầu gần 2.8, 2.9 F, đầu xa: 2.1, 2.4, 2.8, 2.9 F. Chiu được áp lực 800 PSI. + size 2.8F-2.1F tương thích với: coil lớn nhất 0.016", cỡ hạt vi cầu lớn nhất ≤700 µm; cỡ hạt đa sắc cạnh: ≤500 µm; + size 2.8-2.4F và 2.8F-2.8F tương thích với: coil lớn nhất 0.018", cỡ hạt vi cầu lớn nhất ≤700 µm; cỡ vật liệu đa sắc cạnh: ≤700 µm; + size 2.9F-2.9F: tương thích với cỡ hạt vi cầu lớn nhất ≤900 µm; cỡ vật liệu đa sắc cạnh: ≤900 µm; - Đường kính trong của guide catheter tối thiểu: 0.040"; 0.042". - Đường kính trong của microcatheter: 0.018"; 0.020"; 0.024"; 0.027". - Guidewire tương thích : 0.016"; 0.018"; 0.021". - Lượng hút: 0.63-0.85 ml.	cái	30
50	24.UBVT.50	Vi ống thông dùng cho mạch ngoại vi và mạch tạng	Đường kính: 1.7F; 1.8F; 1.9F; 2.2F; 2.7F. Chiều dài sử dụng: 70cm, 105cm, 110cm, 125cm, 135cm, 150cm. - Hình dạng: Đầu thẳng, cong, chéo 45, W. - Khả năng tương thích dây dẫn guidewire: 0.016, 0.018, 0.025 (inch) - Khả năng tương thích ống thông catheter: 0.038, 0.041 (inch) - Thiết kế trực tạo điều kiện thuận lợi cho ống thông và độ trơn tru cho việc đẩy những khúc quanh co. Ong dẫn bên trong thon cung cấp tốc độ dòng chảy cao hơn. - Bện Tungsten. - Một hoặc hai market đánh dấu phóng xạ tạo điều kiện cho việc định vị nhanh và chính xác. - Lớp trong phủ PTFE. Độ phủ Hydrophilic: 60cm; 80cm; 110cm. - Phủ Hydrophilic. - Tương thích với DMSO, thả coil và hạt nút mạch.	cái	40
51	24.UBVT.51	Kim khâu tam giác các cỡ	Chất liệu: Thép không gỉ	cái	4,000
52	24.UBVT.52	Chi không tiêu Nylon số 2/0	Chi không tiêu tổng hợp đơn sợi liên kim số 2/0 chất liệu Polyamide, lớp bao phủ bằng silicon. Kim làm bằng thép không gỉ, được phủ silicon. Chi số 2/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8, dài 26 mm. Đóng gói vô trùng	Sợi	500
53	24.UBVT.53	Chi không tiêu Nylon số 4/0	Chi không tiêu liên kim tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamid 6 số 4/0 dài ≥ 75cm. Kim tam giác 3/8, dài 19mm, kim làm từ thép không gỉ được phủ silicon. Đóng gói vô trùng	Sợi	400

54	24.UBVT.54	Chi không tiêu Nylon số 5/0	Chi không tan tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamid 6 số 5/0 dài \geq 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 16mm, kim phủ silicone	Sợi	50
55	24.UBVT.55	Chi không tiêu Nylon số 6/0	Chi không tiêu liên kim tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamid 6 số 6/0 dài \geq 75cm. Kim tam giác 3/8, dài 12mm, kim làm từ thép không gỉ được phủ silicon. Đóng gói vô trùng	Sợi	100
56	24.UBVT.56	Chi tơ phẫu thuật	Dài 100m, tiết trùng, không tan - Chất liệu: bằng sợi tơ tằm.	Cuộn	250
57	24.UBVT.57	Chi tiêu tổng hợp đa sợi liên kim số 1/0	Chi tiêu tổng hợp đa sợi liên kim số 1 dài \geq 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C, kim được phủ silicon và thép không gỉ. Chất liệu Polyglycolic acid được bao phủ Polycaprolactone and Calcium Stearate. Đóng gói vô trùng	Sợi	200
58	24.UBVT.58	Chi tiêu tổng hợp sợi bền số 1/0	Chi tiêu chậm đa sợi thành phần Polyglycolic acid cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 1, dài \geq 90cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 40mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ để tránh cùn kim.	Sợi	800
59	24.UBVT.59	Chi tan nhanh tổng hợp sợi bền số 2/0	Chi tan nhanh tổng hợp sợi bền cấu tạo Polyglactin 910 (90% Polyglycolic acid + 10% Polyactic acid) có vỏ bọc sợi chỉ polyglactin 370 + calcium stearate, dài \geq 90 cm. Kim bằng thép không gỉ, phủ silicon, đầu kim vuốt nhọn dài 37 mm.	Sợi	200
60	24.UBVT.60	Chi tiêu tổng hợp sợi bền số 2/0	Chi tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 2/0, dài \geq 75cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 26mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ bằng silicone sắc bén. Đóng gói vô trùng	Sợi	700
61	24.UBVT.61	Chi tiêu tổng hợp đa sợi liên kim số 3/0	Chi tiêu tổng hợp liên kim đa sợi Polyglactin 910 được bao phủ bởi polyglactin và calcium stearate, số 3/0, dài \geq 75cm. Kim làm bằng thép không gỉ, kim tròn 26mm, kim 1/2. Đóng gói vô trùng	Sợi	500
62	24.UBVT.62	Chi tiêu tổng hợp sợi bền số 3/0	Chi tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 3/0, dài \geq 75cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 26mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ bằng silicone sắc bén. Đóng gói vô trùng	Sợi	4,500
63	24.UBVT.63	Chi tiêu tổng hợp sợi bền số 4/0	Chi tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 4/0, dài \geq 75cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 17mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ để tránh cùn kim. Đóng gói vô trùng	Sợi	1,000
64	24.UBVT.64	Chi tan nhanh tổng hợp sợi bền số 4/0	Chi tan tổng hợp đa sợi bền cấu tạo Polyglactin 910 (90% Polyglycolic acid + 10% Polyactic acid) số 4/0 dài \geq 70 cm, vỏ bọc sợi chỉ Poly (glycolide-co-lactid 36/65) + calcium stearate. Kim bằng thép không gỉ, phủ silicon, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 17 mm.	Sợi	300
65	24.UBVT.65	Chi tiêu tổng hợp sợi bền số 5/0	Chi tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl	Sợi	1,000

			lactylate. Sợi chỉ số 5/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 17mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ bằng silicone sắc bén. Đóng gói vô trùng		
66	24.UBVT.66	Chỉ tan nhanh tổng hợp sợi bền số 5/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi bền cấu tạo Polyglactin 910 (90% Polyglycolic acid+ 10% Polyactic acid) số 5/0 dài ≥ 70 cm, vô bọc sợi chỉ Poly + calcium stearate. Kim bằng thép không gỉ, phủ silicon, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 17 mm.	Sợi	300
67	24.UBVT.67	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền số 6/0	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 6/0, dài ≥ 45 cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 12mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ bằng silicone sắc bén. Đóng gói vô trùng	Sợi	1,000
68	24.UBVT.68	Tay dao mổ điện dùng 1 lần	Mô tả: Tay dao mổ điện dùng 1 lần với lưỡi dao bằng thép không gỉ $\Phi 2.4$ mm, lưỡi dao có thể tháo rời Điều khiển trên tay dao: Điều khiển bằng 2 nút bấm: Cắt và đốt. Chiều dài điện cực: 70mm. Chiều dài cấp: 3m Chiều dài tay cầm: 155mm Loại chân cầm: 3 chân tròn (3 x $\Phi 4$ mm) Đã tiệt trùng.	Cái	2,000
69	24.UBVT.69	Tay dao hàn mạch kèm cắt dùng cho mổ mở, 21cm	Tay dao hàn mạch máu lưỡng cực kèm cắt. Chiều dài mũi hàn 20,6mm, vết cắt 19,8mm. Hàm dao được phủ lớp nano chống dính, đầu cong 40 độ. Chiều dài tay dao 21cm.	Cái	35
70	24.UBVT.70	Tay dao hàn mạch máu dùng cho mổ mở, hàm phủ nano	Tay dao hàn mạch máu kèm cắt. Chiều dài mũi hàn 20-36mm, vết cắt 18-34mm. Mũi dao nhọn cong, hàm phủ nano, chiều dài tay dao 18-23cm. Tương thích với máy ForceTriad, Valleylab LS 10, Valleylab FT10.	Cái	45
71	24.UBVT.71	Tay dao hàn mạch máu dùng cho mổ nội soi, hàm phủ nano	Tay dao hàn mạch máu kèm cắt. Chiều dài mũi hàn 20,3mm, vết cắt 18,5mm. Mũi dao nhọn cong, hàm phủ nano, chiều dài tay dao 37cm. Tương thích với máy ForceTriad, Valleylab LS 10, Valleylab FT10.	Cái	30
72	24.UBVT.72	Dao siêu âm dùng cho mổ mở	Dao siêu âm dùng cho mổ mở - Đường kính: 5mm - Dài 20cm - Tay cầm bóp vào từ phía trước Tương thích với máy USG-400	Cái	30
73	24.UBVT.73	Dao siêu âm dùng cho mổ nội soi	Dao siêu âm dùng cho mổ nội soi - Đường kính: 5mm - Dài 35cm - Tay cầm bóp vào từ phía trước Tương thích với máy USG-400	Cái	30
74	24.UBVT.74	Tay dao siêu âm không dây	Tay dao siêu âm mổ nội soi, đầu cong, chiều dài thân dao 39cm, đường kính thân dao 5mm (Sử dụng cho dao siêu âm không dây). Cán dao xoay 360 độ.	Cái	50

			Nút bấm sử dụng được cho 2 mức năng lượng. Sử dụng pin để chuyển đổi năng lượng điện thành dao động cơ học			
75	24.UBVT.75	Pin dao siêu âm	Pin dao siêu âm không dây (sử dụng cho dao siêu âm không dây)	Cái		1
76	24.UBVT.76	Bộ phát năng lượng dao siêu âm	Bộ phát năng lượng dao siêu âm không dây (sử dụng cho dao siêu âm không dây)	Cái		1
77	24.UBVT.77	Sạc pin dao mổ siêu âm	Bộ sạc pin dao siêu âm không dây (sử dụng cho dao siêu âm không dây)	Cái		1
78	24.UBVT.78	Khay lắp pin	Khay lắp pin dao siêu âm không dây (sử dụng cho dao siêu âm không dây)	Cái		2
79	24.UBVT.79	Lưỡi dao cắt tiêu bản	Dao cắt bệnh phẩm dùng 1 lần; Chất liệu thép không rỉ. Độ nghiêng Lưỡi dao: khoảng 35°. Chiều dài khoảng 80mm	Cái		3,200
80	24.UBVT.80	Lưỡi dao mổ tiết trùng	Dao sắc. Chất liệu thép các bon, tiết trùng bằng tia gamma, các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22	Cái		7,000
81	24.UBVT.81	Stent đường mật đường kính 8 - 10mm, loại không phủ, bán phủ và phủ toàn phần.	Hai đầu stent có thiết kế gồm nhiều vòng nhỏ và loe nhằm giảm chấn thương và chống dịch chuyển stent Tích hợp phần để kéo stent – loại bán phủ hoặc phủ toàn phần Cấu trúc ô đống và phủ permalume. Tăng độ cản quang toàn stent, dễ thấy stent khi đặt Thiết kế bện dây platinum chống xếp và tăng độ ổn định Có thể thu gọn đến 80% so với khi bụng để tái định vị khi đặt Cơ chế đưa stent đồng trục giúp đặt stent dễ dàng, dễ điều khiển Chiều dài hữu dụng của catheter 75cm và tương thích dụng cụ dẫn đường 9F Catheter có 4 diềm cản quang giúp dễ nhìn khi đặt stent Stent có đường kính 8-10mm loại không phủ, bán phủ, phủ toàn phần, có catheter 8-8,5F	Cái		10
82	24.UBVT.82	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay	Bộ dụng cụ mở đường quay bao gồm: Vỏ, que nong, dây dẫn đường, và kim chọc mạch. - Vỏ được thiết kế độ cản quang tốt đồng thời giúp tăng lực đẩy cũng như độ trơn mượt trong mạch máu. Có van cầm máu an toàn. - Các cỡ 5F, 6F dài 7cm; 11 cm và 16cm, mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau. - Chiều dài que nong: 110mm, 169mm; riêng cỡ 6F có thêm chiều dài 560mm - Dây dẫn đường làm bằng thép không rỉ, đường kính 0.021" dài 45cm, - Kim chọc mạch cỡ 21G x 4cm	Cái		50
83	24.UBVT.83	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi	Bao gồm các thành phần sau :. Kim catheter chọc mạch cỡ 18G. Guide wire nhỏ cỡ 0.035" x 45cm. Bơm tiêm 2.5ml. Introducer Sheath. DelatorĐặc điểm, Hình dạng :. Sheath ôm khít Delator, mỏng. Guide wire dài 0.035" dài 45cm để dẫn đường cho Delator và- Sheath. Van cầm máu hình chữ thập.Kích thước: Cỡ, 5F, 6F, 7F, 8F dài 10cm Vật liệu : Sheath được phủ lớp ái nước	Cái		100
84	24.UBVT.84	Dụng cụ mở đường vào mạch máu	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch bao gồm vỏ có van chống trào máu kiểu cắt ngang, dây dẫn có lõi nhựa ái nước. Đầu thẳng và đầu J. - Kích cỡ: đường kính 6F và 7F	Cái		100

			<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: lớp vỏ bằng ETFE - Có lớp ái nước hydrophilic plastic. Các cỡ: 6F dài 250mm; 6F dài 120mm; 7F dài 120mm 		
85	24.UBVT.85	Dây dẫn đường cho Catheter ái nước	<p>Kích thước: cỡ 0.035 inch, dài 150cm. Đặc điểm, Hình dạng : Dài 150cm đầu thẳng, góc 45 độ hoặc hình chữ J, phần đầu linh hoạt dài 3, 5, 8cm. Vật liệu: dây lõi kim loại, lõi dây làm bằng Nitinol, ngoài là Polyurethane, lớp áo Tungsten, phủ ngoài cùng bằng lớp ái nước.</p> <p>Hạt nút mạch không tải thuốc chất liệu Polyvinyl Alcohol.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp ngăn chặn mạch, giảm lưu lượng máu trong mạch tùy theo việc đặt có chọn lọc thông qua nhiều loại ống thông truyền. - Hạt nút mạch được đóng gói vô trùng 1cm³ (1cc) thể tích khô mỗi lọ, trong túi vô trùng Có các cỡ từ 45-1180 micron, có nhiều kích thước phân theo màu sắc khác nhau để dễ dàng sử dụng. - Được chỉ định để nút mạch các khối u tăng sinh mạch máu ngoại biên, bao gồm các u xơ tử cung và dị dạng động tĩnh mạch ngoại biên (AVMs) <p>Vật liệu: hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene® - F, tương thích sinh học, không tan trong dung môi. Kích thước hạt: 40 µm – 1.300 µm. Đóng gói: dạng lỏng 1ml hoặc 2ml. Loại không màu hoặc có màu (để dễ dàng phân biệt các kích cỡ hạt).</p>	cái	100
86	24.UBVT.86	Vật liệu nút mạch	<p>Hạt nút mạch hình cầu dạng pha chứa trong bom tiêm chất liệu Acrylic polymer + gelatin kích thước từ 40 - 1200 µm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Acrylic polymer + gelatin - Hạt cầu đa dạng về kích cỡ hạt khô từ 40 - 1200 µm. <p>- Hạt dạng hình cầu, tồn tại dưới dạng những trung thể mờ đục- Chất liệu Polyfit 70- Kích thước hạt không hiệu chuẩn, độ đàn hồi cao, khả năng nén cực tốt mà không bị vỡ vụn, không dính vào nhau khi đi qua vi ống thông, không có khả năng tái hấp thụ, tương thích sinh học, cản quang tốt.- Sử dụng cho thuyên tắc của u xơ tử cung có triệu chứng và các bệnh lý dị dạng mạch máu, tăng sinh mạch máu nuôi khối u (u xơ tiền liệt tuyến).- Đường kính hạt từ 100µm đến 1100µm.</p> <p>Vật liệu: hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene® - F, tương thích sinh học, không tan trong dung môi. Khả năng mang thuốc doxorubicin-HCl và irinotecan-HCl lên đến 50mg/1 ml hạt. Thời gian hấp thụ nhanh: thuốc doxorubicin - 60 phút; thuốc irinotecan - 30 phút. Kích thước hạt: 40 ± 10 µm; 75 ± 15 µm; 100 ± 25 µm. Đóng gói: dạng lỏng chứa 2ml hoặc 3ml.</p> <p>Bao gồm các hạt hydrogel rất nhỏ có khả năng tương thích sinh học, ái nước, không bị cơ thể hấp thụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được tạo ra từ polyvinyl - Tải hóa chất Doxorubicin hoặc Irinotecan. - Có các kích thước hạt từ 70µm đến 700µm. 	lọ	10
87	24.UBVT.87	Hạt vi cầu nút mạch vĩnh viễn	<p>Hạt nút mạch hình cầu dạng pha chứa trong bom tiêm chất liệu Acrylic polymer + gelatin kích thước từ 40 - 1200 µm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Acrylic polymer + gelatin - Hạt cầu đa dạng về kích cỡ hạt khô từ 40 - 1200 µm. <p>- Hạt dạng hình cầu, tồn tại dưới dạng những trung thể mờ đục- Chất liệu Polyfit 70- Kích thước hạt không hiệu chuẩn, độ đàn hồi cao, khả năng nén cực tốt mà không bị vỡ vụn, không dính vào nhau khi đi qua vi ống thông, không có khả năng tái hấp thụ, tương thích sinh học, cản quang tốt.- Sử dụng cho thuyên tắc của u xơ tử cung có triệu chứng và các bệnh lý dị dạng mạch máu, tăng sinh mạch máu nuôi khối u (u xơ tiền liệt tuyến).- Đường kính hạt từ 100µm đến 1100µm.</p> <p>Vật liệu: hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene® - F, tương thích sinh học, không tan trong dung môi. Khả năng mang thuốc doxorubicin-HCl và irinotecan-HCl lên đến 50mg/1 ml hạt. Thời gian hấp thụ nhanh: thuốc doxorubicin - 60 phút; thuốc irinotecan - 30 phút. Kích thước hạt: 40 ± 10 µm; 75 ± 15 µm; 100 ± 25 µm. Đóng gói: dạng lỏng chứa 2ml hoặc 3ml.</p> <p>Bao gồm các hạt hydrogel rất nhỏ có khả năng tương thích sinh học, ái nước, không bị cơ thể hấp thụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được tạo ra từ polyvinyl - Tải hóa chất Doxorubicin hoặc Irinotecan. - Có các kích thước hạt từ 70µm đến 700µm. 	Ổng	30
88	24.UBVT.88	Hạt nút mạch hình cầu dạng pha chứa trong bom tiêm	<p>Hạt nút mạch hình cầu dạng pha chứa trong bom tiêm chất liệu Acrylic polymer + gelatin kích thước từ 40 - 1200 µm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Acrylic polymer + gelatin - Hạt cầu đa dạng về kích cỡ hạt khô từ 40 - 1200 µm. <p>- Hạt dạng hình cầu, tồn tại dưới dạng những trung thể mờ đục- Chất liệu Polyfit 70- Kích thước hạt không hiệu chuẩn, độ đàn hồi cao, khả năng nén cực tốt mà không bị vỡ vụn, không dính vào nhau khi đi qua vi ống thông, không có khả năng tái hấp thụ, tương thích sinh học, cản quang tốt.- Sử dụng cho thuyên tắc của u xơ tử cung có triệu chứng và các bệnh lý dị dạng mạch máu, tăng sinh mạch máu nuôi khối u (u xơ tiền liệt tuyến).- Đường kính hạt từ 100µm đến 1100µm.</p> <p>Vật liệu: hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene® - F, tương thích sinh học, không tan trong dung môi. Khả năng mang thuốc doxorubicin-HCl và irinotecan-HCl lên đến 50mg/1 ml hạt. Thời gian hấp thụ nhanh: thuốc doxorubicin - 60 phút; thuốc irinotecan - 30 phút. Kích thước hạt: 40 ± 10 µm; 75 ± 15 µm; 100 ± 25 µm. Đóng gói: dạng lỏng chứa 2ml hoặc 3ml.</p> <p>Bao gồm các hạt hydrogel rất nhỏ có khả năng tương thích sinh học, ái nước, không bị cơ thể hấp thụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được tạo ra từ polyvinyl - Tải hóa chất Doxorubicin hoặc Irinotecan. - Có các kích thước hạt từ 70µm đến 700µm. 	Lọ	30
89	24.UBVT.89	Vật liệu nút mạch dạng hình cầu pha sẵn	<p>Hạt nút mạch hình cầu dạng pha chứa trong bom tiêm chất liệu Acrylic polymer + gelatin kích thước từ 40 - 1200 µm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Acrylic polymer + gelatin - Hạt cầu đa dạng về kích cỡ hạt khô từ 40 - 1200 µm. <p>- Hạt dạng hình cầu, tồn tại dưới dạng những trung thể mờ đục- Chất liệu Polyfit 70- Kích thước hạt không hiệu chuẩn, độ đàn hồi cao, khả năng nén cực tốt mà không bị vỡ vụn, không dính vào nhau khi đi qua vi ống thông, không có khả năng tái hấp thụ, tương thích sinh học, cản quang tốt.- Sử dụng cho thuyên tắc của u xơ tử cung có triệu chứng và các bệnh lý dị dạng mạch máu, tăng sinh mạch máu nuôi khối u (u xơ tiền liệt tuyến).- Đường kính hạt từ 100µm đến 1100µm.</p> <p>Vật liệu: hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene® - F, tương thích sinh học, không tan trong dung môi. Khả năng mang thuốc doxorubicin-HCl và irinotecan-HCl lên đến 50mg/1 ml hạt. Thời gian hấp thụ nhanh: thuốc doxorubicin - 60 phút; thuốc irinotecan - 30 phút. Kích thước hạt: 40 ± 10 µm; 75 ± 15 µm; 100 ± 25 µm. Đóng gói: dạng lỏng chứa 2ml hoặc 3ml.</p> <p>Bao gồm các hạt hydrogel rất nhỏ có khả năng tương thích sinh học, ái nước, không bị cơ thể hấp thụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được tạo ra từ polyvinyl - Tải hóa chất Doxorubicin hoặc Irinotecan. - Có các kích thước hạt từ 70µm đến 700µm. 	Lọ	30
90	24.UBVT.90	Hạt nhựa tải thuốc điều trị ung thư gan	<p>Hạt nút mạch hình cầu dạng pha chứa trong bom tiêm chất liệu Acrylic polymer + gelatin kích thước từ 40 - 1200 µm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Acrylic polymer + gelatin - Hạt cầu đa dạng về kích cỡ hạt khô từ 40 - 1200 µm. <p>- Hạt dạng hình cầu, tồn tại dưới dạng những trung thể mờ đục- Chất liệu Polyfit 70- Kích thước hạt không hiệu chuẩn, độ đàn hồi cao, khả năng nén cực tốt mà không bị vỡ vụn, không dính vào nhau khi đi qua vi ống thông, không có khả năng tái hấp thụ, tương thích sinh học, cản quang tốt.- Sử dụng cho thuyên tắc của u xơ tử cung có triệu chứng và các bệnh lý dị dạng mạch máu, tăng sinh mạch máu nuôi khối u (u xơ tiền liệt tuyến).- Đường kính hạt từ 100µm đến 1100µm.</p> <p>Vật liệu: hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene® - F, tương thích sinh học, không tan trong dung môi. Khả năng mang thuốc doxorubicin-HCl và irinotecan-HCl lên đến 50mg/1 ml hạt. Thời gian hấp thụ nhanh: thuốc doxorubicin - 60 phút; thuốc irinotecan - 30 phút. Kích thước hạt: 40 ± 10 µm; 75 ± 15 µm; 100 ± 25 µm. Đóng gói: dạng lỏng chứa 2ml hoặc 3ml.</p> <p>Bao gồm các hạt hydrogel rất nhỏ có khả năng tương thích sinh học, ái nước, không bị cơ thể hấp thụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được tạo ra từ polyvinyl - Tải hóa chất Doxorubicin hoặc Irinotecan. - Có các kích thước hạt từ 70µm đến 700µm. 	Ổng	120
91	24.UBVT.91	Hạt nút mạch tải thuốc điều trị ung thư gan	<p>Hạt nút mạch hình cầu dạng pha chứa trong bom tiêm chất liệu Acrylic polymer + gelatin kích thước từ 40 - 1200 µm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Acrylic polymer + gelatin - Hạt cầu đa dạng về kích cỡ hạt khô từ 40 - 1200 µm. <p>- Hạt dạng hình cầu, tồn tại dưới dạng những trung thể mờ đục- Chất liệu Polyfit 70- Kích thước hạt không hiệu chuẩn, độ đàn hồi cao, khả năng nén cực tốt mà không bị vỡ vụn, không dính vào nhau khi đi qua vi ống thông, không có khả năng tái hấp thụ, tương thích sinh học, cản quang tốt.- Sử dụng cho thuyên tắc của u xơ tử cung có triệu chứng và các bệnh lý dị dạng mạch máu, tăng sinh mạch máu nuôi khối u (u xơ tiền liệt tuyến).- Đường kính hạt từ 100µm đến 1100µm.</p> <p>Vật liệu: hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene® - F, tương thích sinh học, không tan trong dung môi. Khả năng mang thuốc doxorubicin-HCl và irinotecan-HCl lên đến 50mg/1 ml hạt. Thời gian hấp thụ nhanh: thuốc doxorubicin - 60 phút; thuốc irinotecan - 30 phút. Kích thước hạt: 40 ± 10 µm; 75 ± 15 µm; 100 ± 25 µm. Đóng gói: dạng lỏng chứa 2ml hoặc 3ml.</p> <p>Bao gồm các hạt hydrogel rất nhỏ có khả năng tương thích sinh học, ái nước, không bị cơ thể hấp thụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được tạo ra từ polyvinyl - Tải hóa chất Doxorubicin hoặc Irinotecan. - Có các kích thước hạt từ 70µm đến 700µm. 	Lọ	80

92	24.UBVT.92	Vật liệu nút mạch tái thuốc điều trị ung thư gan	Vật liệu nút mạch tái thuốc điều trị ung thư gan. - Chất liệu Poly (Sodium acrylate vinyl alcohol) copolymer. - Được chi định để sử dụng trong nút mạch máu kết hợp hoặc không kết hợp doxorubicin HCl; kết hợp với irinotecan. - Kích cỡ hạt khô từ 20 - 200 µm được đựng trong lọ 10ml, khối lượng 25mg, kích thước hạt sau khi ngâm thuốc tăng gấp 4 lần so với kích thước hạt khi còn khô (80-800++µm). - Số lượng hạt/lọ: từ 9.400 - 2.100.000 hạt tùy kích cỡ.	Lọ	80
93	24.UBVT.93	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch máu khóa	Vòng xoắn được bao phủ dày đặc bởi các sợi Dacron. Cảnh tay khóa đơn giản giúp tăng khả năng kiểm soát, độ chính xác và có thể thu lại coil để đặt lại khi chưa mở khóa. Đường kính 2/6-22 mm và chiều dài đến 60 cm. Hình dạng coil: kim cương, lập phương, thẳng...	Cái	5
94	24.UBVT.94	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch: dạng coil dày. Chất liệu: Hợp kim Platinum nên có độ cản quang cao, cho hình ảnh rõ nét. Vòng ngoài cuộn dây được thiết kế để dễ dàng xuyên qua microcatheter và giảm khả năng gây tổn thương thành mạch. Có sợi Dacron. Đường kính 2-11 mm. Chiều dài trong introducer: Từ 2 đến 85mm. Chiều dài khi thả: từ 2.0 đến 17mm. Hình dạng: Kim cương, hình nón, vòng xoắn lặp lại, thẳng, vòng xoắn, xoắn ốc phức tạp.	Cái	5
95	24.UBVT.95	Phim X-quang khô y tế 20x25cm	Phim X- quang laser kích thước 20x25cm. Độ nhạy và độ tương phản được thiết kế phù hợp với hệ thống in phim khô laser Fuji. Mật độ quang tối đa 3.3.	Tờ	20,000
96	24.UBVT.96	Phim X-quang khô y tế 25x30cm	Phim X- quang laser kích thước 25x30 cm. Độ nhạy và độ tương phản được thiết kế phù hợp với hệ thống in phim khô laser Fuji. Mật độ quang tối đa 3.3.	Tờ	60,000
97	24.UBVT.97	Phim X-quang khô y tế 35x43cm	Phim X- quang laser kích thước 35x43 cm. Độ nhạy và độ tương phản được thiết kế phù hợp với hệ thống in phim khô laser Fuji. Mật độ quang tối đa 3.3.	Tờ	100,000
98	24.UBVT.98	Dụng cụ cắt khâu tiêu hóa nội soi	Dụng cụ cắt khâu nối đa năng, dùng trong phẫu thuật nội soi trực dài 16cm, tích hợp với tất cả các loại băng ghim cắt khâu nối nội soi tương thích. Có khả năng gấp góc 45 độ mỗi bên, với 05 điểm gấp góc mỗi bên. Dụng cụ cắt khâu nội soi, lắp được tất cả các băng ghim tương thích kích cỡ khác nhau.	Cái	30
99	24.UBVT.99	Băng ghim cắt khâu nối nội soi dùng cho mô mạch máu và mô màng, chiều dài 45mm	Băng ghim cắt khâu dùng cho mô nội soi ghim chất liệu titanium. Chiều dài băng ghim là 45mm. Băng ghim nội soi loại gấp góc dùng cho mạch máu và mô màng, 3 hàng ghim so le nhau chiều cao thay đổi mỗi bên với chiều cao ghim mở lần lượt từ ngoài vào trong là 3mm - 2.5mm - 2mm; Khoảng đóng mở là 1.5mm - 0.88mm. Băng ghim có khả năng gấp góc 45 độ và 5 điểm gấp góc mỗi bên. Băng ghim kèm lưới dao cắt	Cái	30
100	24.UBVT.100	Băng ghim cắt khâu nối nội soi dùng cho mô trung bình/ dày, chiều dài 60mm	Băng ghim cắt khâu dùng cho mô nội soi ghim chất liệu titanium. Chiều dài băng ghim là 60mm. Băng ghim nội soi loại gấp góc dùng cho mô trung bình/ dày, 3 hàng ghim so le nhau chiều cao thay đổi mỗi bên với chiều cao ghim mở lần lượt từ ngoài vào trong là 4mm - 3.5mm - 3mm; Khoảng đóng mở là 2.25mm - 1.5mm. Băng ghim có khả năng gấp góc 45 độ và 5 điểm gấp góc mỗi bên. Băng ghim kèm lưới dao cắt	Cái	100

101	24.UBVT.101	Băng ghim cắt khâu nối sợi soi dùng cho mô trung bình/ dày, chiều dài 45mm	Băng ghim khâu cắt nối sợi soi dùng cho mô trung bình và dày công nghệ tristaple, chất liệu ghim Titanium, Băng ghim kèm lưới dao cắt, băng ghim có thể gấp góc 45 độ mỗi bên. Đặc tính: Chiều dài băng ghim 45 mm có 3 hàng ghim mỗi bên chiều cao khác nhau, chiều cao ghim đập lần lượt từ ngoài vào trong là 4mm – 3,5mm – 3mm; khoảng đóng ghim là 2.25mm - 1.5mm.	Cái
102	24.UBVT.102	Dụng cụ khâu nối tiêu hóa dùng cho mô mỡ 3 hàng ghim	Dụng cụ cắt khâu nối tiêu hóa dùng cho mô mỡ. Dùng cho băng ghim màu tím dài 80mm, 3 hàng ghim mỗi bên chiều cao lần lượt từ trong ra ngoài là 3mm-3.5mm-4mm. Khoảng đóng ghim 1.5mm-2.25mm	Cái
103	24.UBVT.103	Băng ghim cắt khâu tiêu hóa dùng cho 3 hàng ghim chiều cao thay đổi mỗi bên	Băng ghim cắt khâu tiêu hóa dùng cho mô mỡ. Băng ghim màu tím dài 80mm, 3 hàng ghim mỗi bên chiều cao lần lượt từ trong ra ngoài là 3mm-3.5mm-4mm. Khoảng đóng ghim 1.5mm-2.25mm	Cái
104	24.UBVT.104	Dụng cụ khâu nối tiêu hóa dùng cho mô mỡ	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng cho mô mỡ. Dùng với băng ghim mô mỡ cỡ 80mm, có chiều cao ghim 3.8mm. Chiều cao ghim đóng xuống 1.5mm Thiết kế có chốt an toàn giữ lưỡi dao trước và sau khi bắn. Tay cầm phủ cao su nhám có rãnh với nút tháo nhanh.	Cái
105	24.UBVT.105	Băng ghim cắt khâu tiêu hóa dùng cho mô mỡ	Băng ghim cắt khâu nối thẳng mô mỡ công nghệ định hướng ghim đập. Chiều dài băng ghim là 80mm, 2 hàng ghim mỗi bên, chiều cao ghim khi mở là 3.8mm; Chiều cao ghim đập xuống là 1.5mm. Băng ghim kèm lưới dao cắt.	Cái
106	24.UBVT.106	Dụng cụ (máy) khâu cắt tự động mô mỡ các cỡ	Dụng cụ (máy) khâu cắt nối tự động dùng trong phẫu thuật mô mỡ, gồm một tay súng cỡ 60mm hoặc 80mm đi kèm 1 băng ghim tương ứng dài 60mm, 80mm. Chiều cao ghim khi mở từ 3.8 mm, chiều cao ghim khi đóng: 1.5mm. Tay súng gọn nhẹ phủ cao su chống trượt. De được làm bằng thép không gỉ. Tương thích với băng ghim cùng loại.	Cái
107	24.UBVT.107	Băng (đạn), ghim khâu cắt mô mỡ các cỡ	Băng (đạn) ghim khâu cắt dùng trong mô mỡ các cỡ 60mm, 80mm. Chiều cao ghim khi mở: 3.8 mm, chiều cao ghim khi đóng: 1.5mm. Chiều dài đường ghim 64mm, 84mm tương ứng với chiều dài đường cắt 60mm, 80mm. Ghim được làm bằng Titanium, đập hình chữ B chuẩn. Lưỡi dao kèm băng ghim, cơ chế khóa tự động an toàn. Băng ghim được tiết trùng. Tương thích với tay dùng cụ mô mỡ cùng loại.	Cái
108	24.UBVT.108	Dụng cụ khâu nối tròn tiêu hóa các cỡ, có 3 hàng ghim chiều cao thay đổi	Dụng cụ khâu nối tròn chất liệu ghim titanium, dùng trong phẫu thuật nối ống tiêu hóa. Chiều dài thân dụng cụ: 22cm, 35cm. Các cỡ đường kính tròn: 28mm, 31mm tương ứng với số lượng ghim là 39, 45. Chiều cao ghim từ trong ra ngoài: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm. Đầu đe thiết kế nghiêng để dễ dàng tháo rời, dạng cốc áo. Công nghệ định hướng ghim đập đúng chiều, Thân ghim hình chữ nhật, với lực đi theo 1 chiều cố định, dễ dàng tạo hình chữ B chuẩn để cầm nắm tốt hơn.	Cái
109	24.UBVT.109	Dụng cụ cắt khâu nối tiêu hóa tự động tròn	Dụng cụ cắt khâu nối tròn chiều dài thân dụng cụ 22cm, 2 hàng ghim, chất liệu ghim titanium, đường kính các cỡ 25mm; 28mm; 31mm; 33mm. Số lượng ghim lần lượt là 22 ghim; 26 ghim; 30 ghim; 32 ghim. Chiều cao ghim khi mở	Cái

			là 3.5mm; 4.8mm Chiều cao ghim đập xuống là 1.5mm; 2mm. Kích thước ghim: chiều rộng lưng ghim 4.0mm, thân ghim hình hộp chữ nhật: 0.35mm x 0.24mm. Đầu đe được thiết kế dạng cốc áo để tháo rời.		
110	24.UBVT.110	Dụng cụ (máy) khâu nối ống tiêu hóa tròn, sử dụng 1 lần cỡ 29mm, loại có đầu đe nghiêng sau khi đóng mô.	Dụng cụ (máy) khâu cắt nối ống tiêu hóa tự động tròn các cỡ 29mm với tính năng an toàn kép, 2 hàng ghim, số lượng ghim 24 ghim. Chiều cao ghim trước khi đóng là 4.8mm, sau khi đóng là 2.0mm. Đường kính ghim: 0.28mm. Chiều dài trục dụng cụ là 185mm, đường kính lòng ống nối 20mm, phần đầu đe có lỗ thông hơi, nghiêng sau khi đóng mô. Có cửa sổ hiển thị cho phép lựa chọn chiều cao ghim đa dạng, ghim tạo hình chữ B chuẩn khi vạch đỏ nằm giữa cửa sổ hiển thị. Núm xoay phía dưới dụng cụ dạng hai cánh lệch nhau giúp đếm một vòng hoặc một nửa vòng để dàng hơn. Ghim làm bằng titanium, đầu đe và lưỡi dao làm bằng thép không gỉ.	Cái	10
111	24.UBVT.111	Dụng cụ (máy) khâu nối ống tiêu hóa tự động tròn sử dụng 1 lần cỡ 32mm, loại có đầu đe nghiêng sau khi đóng mô.	Dụng cụ (máy) khâu cắt nối ống tiêu hóa tự động tròn các cỡ 32mm với tính năng an toàn kép, 2 hàng ghim, số lượng ghim 30 ghim. Chiều cao ghim trước khi đóng là 5.0mm, sau khi đóng là 2.2mm. Đường kính ghim: 0.28mm. Chiều dài trục dụng cụ là 185mm, đường kính lòng ống nối 24mm, phần đầu đe có lỗ thông hơi, nghiêng sau khi đóng mô. Có cửa sổ hiển thị cho phép lựa chọn chiều cao ghim đa dạng, ghim tạo hình chữ B chuẩn khi vạch đỏ nằm giữa cửa sổ hiển thị. Núm xoay phía dưới dụng cụ dạng hai cánh lệch nhau giúp đếm một vòng hoặc một nửa vòng để dàng hơn. Ghim làm bằng titanium, đầu đe và lưỡi dao làm bằng thép không gỉ.	Cái	10
112	24.UBVT.112	Lưới điều trị thoát vị	Tấm lưới dùng trong thoát vị bẹn kích thước 15cm x 15cm thành phần Polypropylene không tiêu kích thước lỗ lưới 1mm trở lên	Miếng	15
113	24.UBVT.113	Túi Camera tiết trùng	Thành phần: Ông nylon: fi 18cm x 230cm, có dây buộc bằng cotton Túi nylon: 9cm x 14cm, có dây bằng cotton	Cái	2,000
114	24.UBVT.114	Kim đốt sóng cao tần đầu đốt cố định	Điện cực có hệ thống dẫn chất làm lạnh bên trong và được thiết kế với tay cầm thoải mái, có khối lượng nhẹ. Có nhiều loại cỡ khác nhau: 17G, 18G; Chiều dài làm việc từ 70 mm đến 350 mm tùy thuộc vào kích cỡ của từng loại điện cực khác nhau, Chiều dài đầu hoạt động (đầu phát nhiệt) từ 4 mm đến 40mm.	cái	15
115	24.UBVT.115	Kim đốt sóng cao tần đa cực	- Kim có hệ thống làm lạnh bên trong - Một bộ gồm 3 kim có thể tách rời 2 đầu hoặc 3 đầu tua. - Đường kính kim: 17G và 15G - Chiều dài từ 150-200mm - Đầu phát nhiệt: từ 20-50mm	cái	2
116	24.UBVT.116	Kim đốt sóng cao tần thay đổi chiều dài đầu hoạt động	- Kim có nhiều kích thước và độ dài và đầu phát nhiệt khác nhau - Đường kính kim: 18G, 17G, và 15G - Chiều dài từ 100-350mm - Đầu phát nhiệt điều chỉnh được từ 5-30mm và từ 15-40mm, có thể thay đổi độ dài trên cùng một kim bằng nút gạt tay	cái	25

			- Thích hợp cho một bệnh nhân có nhiều khối u và những khối u nằm sát bộ phận quan trọng		
117	24.UBVT.117	Buồng tiêm truyền cấy dưới da	Buồng tiêm truyền cấy dưới da hình trụ cải tiến. Kích thước khoảng : buồng cao ≤ 12mm, đường kính khoảng 20mm, đáy có rìa khâu cố định buồng tiêm đường kính <28mm. Chất liệu: Vỏ bằng Titanium. Vách ngăn buồng tiêm bằng Silicone. Trọng lượng buồng: ≤7,5g, tương thích với công hường từ và không bị đào thải khi ghép, khoang trong buồng tiêm không góc chết gây lắng đọng chảy. Ống thông- catheter silicone: chiều dài 600mm, đường kính trong >=1mm, đường kính ngoài 2,4 mm đến 1,0mm, có cân quang, có vạch đo độ dài và vạch mức chuẩn đề nghị. Dụng cụ phụ kiện: 01 que tạo đường hầm bằng plastic và phụ kiện tạo dẫn hướng. 01 bộ dây dẫn đường ống thông- Catheter: 01 huber set 18-23-G gồm 01 kim đầu tù, 01 ống tiêm 10ml , 01 kim Huber 21G. 1 kim chọc dò mạch	Bộ	130
118	24.UBVT.118	Buồng truyền hóa chất bằng Titan tương thích sinh học, các cỡ	Buồng tiêm tĩnh mạch cấy dưới da gồm vỏ ngoài được làm từ chất liệu Polysulphone và buồng chứa bên trong bằng Titanium, có thể chịu được áp lực cao 325 psi.Có 3 lỗ khâu cố định buồng truyền vũng chắc.Kích thước buồng nhỏ: 30x22mm, cao 10.6mm, đường kính màng 9.5mm. Nặng 4g. Thể tích 0.25ml.Đường kính ngoài ống thông: 6.5F - 8.5F. Chiều dài 800mm. Tốc độ dòng chảy 37ml/ phút với kim 19G. (Đường kính 8.5F)Tốc độ dòng chảy 24ml/ phút với kim 19G. (Đường kính 6.5F)Chất liệu ống thông bằng Silicone hoặc Polyurethane. Ống thông có các marker cách nhau 1cm Phụ kiện đi kèm: 1 kim chọc buồng truyền đầu bằng 22Gx30mm, 1 kim chọc mạch máu 18Gx70mm, 1 dây dẫn chữ J 0.035"x50cm, 1 dụng cụ mở đường L180/140mm, 1 ống thông tạo đường hầm, 1 xy lanh 10ml, 1 kim chọc buồng tiêm an toàn 20Gx20mm.	Cái	120
119	24.UBVT.119	Đầu côn có lọc 10ul	Đầu côn có màng lọc, dung tích 10μl .Dùng để hút và đựng mẫu bệnh phẩm dùng trong y tế	Cái	22,000
120	24.UBVT.120	Đầu côn có lọc 20ul	Đầu côn có màng lọc, dung tích 20μl .Dùng để hút và đựng mẫu bệnh phẩm dùng trong y tế	Cái	22,000
121	24.UBVT.121	Đầu côn có lọc 100ul	Đầu côn có màng lọc, dung tích 100μl .Dùng để hút và đựng mẫu bệnh phẩm dùng trong y tế	Cái	22,000
122	24.UBVT.122	Đầu côn có lọc 200ul	Đầu côn có màng lọc, dung tích 200μl .Dùng để hút và đựng mẫu bệnh phẩm dùng trong y tế	Cái	23,500
123	24.UBVT.123	Đầu côn có lọc 1000ul	Đầu côn có màng lọc, dung tích 1000μl .Dùng để hút và đựng mẫu bệnh phẩm dùng trong y tế	Cái	33,000
124	24.UBVT.124	Đầu côn xanh	Thể tích 1000μl, màu xanh. Chất liệu nhựa, không chứa kim loại, sản phẩm được dùng hút hóa chất và mẫu dùng trong lĩnh vực y tế. Thiết kế vừa với Pipet	Cái	23,000

125	24.UBVT.125	Đầu côn vàng	Thể tích 200 μ l, màu vàng. Chất liệu nhựa, không chứa kim loại, sản phẩm được dùng hút hóa chất và mẫu dùng trong lĩnh vực y tế. Thiết kế vừa với Pipet	Cái	28,000
126	24.UBVT.126	Điện cực tim	Điện cực đo tim nền xốp. * Thiết kế hình chữ nhật nền xốp, mềm mại. * Nút điện cực bằng vật liệu thép không gỉ, dẫn truyền tín hiệu tốt. * Gel dính keo Acrylate, có độ dính tốt. * Kích thước 3,7cm x 3,3cm	Cái	20,000
127	24.UBVT.127	Tấm điện cực trung tính	Tấm điện cực trung tính bề mặt được làm bằng chất liệu gel Polyhesive có độ dày $\geq 0,1$ cm. Viên bán điện cực được bao quanh bằng lớp keo acrylic. Diện tích bề mặt hoạt động ≥ 75 cm ² . Tương thích với máy Force Triad, FX8, Valleylab FT10	cái	100
128	24.UBVT.128	Clip kẹp mạch máu polymer các cỡ	*Chất liệu: clip chất liệu Polymer, vì chất liệu nhựa ABS; dùng cho mô mở và mô nội soi* Có khóa. Có 4 cỡ: M, ML, L và XL.M: phù hợp mô và mạch máu có đường kính 2 mm - 7 mmML: phù hợp mô và mạch máu có đường kính 3 mm - 10 mmL: phù hợp mô và mạch máu có đường kính 5 mm - 13 mmXL: phù hợp mô và mạch máu có đường kính 7 mm - 16 mm	Cái	500
129	24.UBVT.129	Clip kẹp mạch máu Titanium các cỡ	Clip mạch máu Titan. Kẹp làm từ chất liệu titanium tinh khiết. Hình chữ V, có rãnh ngang nhỏ trên thân giúp tại các vị trí kẹp mạch máu giúp kẹp bám giữ vào mạch và mở tốt hơn tránh trơn trượt. Tương thích với MRI và chẩn bức xạ. Các cỡ: * cỡ S: chiều cao clip khi đóng: 3.7mm, chiều cao clip khi mở: 3.5mm, đường kính clip: 4.0mm. * cỡ M: Chiều cao clip khi đóng: 6.0mm, chiều cao clip khi mở: 5.0mm, đường kính clip: 6.2mm. * cỡ ML: Chiều cao clip khi đóng: 9.0mm, chiều cao clip khi mở: 8.0mm, đường kính clip: 8.5mm. * cỡ L: Chiều cao clip khi đóng: 12.4mm, chiều cao clip khi mở: 9.8mm, đường kính clip: 11.6mm.	Cái	1,400
130	24.UBVT.130	Mask thở oxy	Các cỡ M, L, XL gồm dây nối và mặt nạ dùng cho người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh. Dây dẫn có chiều dài 2m làm bằng nhựa PVC mềm mại và chịu xoắn	cái	2,000
131	24.UBVT.131	Filter lọc khuẩn và làm ấm cho người lớn	Có công luer xoay và nắp lọc tĩnh điện Sự kháng (tại 30LPM): 60PA Không gian chết: 32ml Thể tích: 250-1500ml Hiệu quả lọc vi khuẩn (BFE): 99,9% Hiệu quả lọc virus (VFE): 99,9% Tiệt trùng	Cái	2,000
132	24.UBVT.132	Bao cao su	Bao cao su được sản xuất từ chất liệu cao su	Cái	3,000



133	24.UBVT.133	Giấy điện tim 6 cần	Chất liệu bằng giấy in nhiệt, loại không có dòng kẻ, tương thích với máy điện tim 6 cần Dạng tập có bao bì bảo vệ	Tập	1,000
134	24.UBVT.134	Giấy in nhiệt siêu âm	Kích thước: 110mm x 20m - Chất liệu: 100% bột gỗ - Độ trắng 99% - Dung sai: ± 1MM - Hỗ trợ: máy in Sony, máy in video siêu âm khác	Cuộn	600
135	24.UBVT.135	Lam kính	• Độ dày: 1.0 - 1.2mm. • Kích thước: 25.4 x 76.2mm (1" x 3") Loại trơn.	cái	25,000
136	24.UBVT.136	Lam kính mài	Lam kính mài một đầu, trong suốt, bề mặt phẳng, không mốc. Kích thước lam kính: $\geq (25 \times 76)$ mm Độ dày lam: $\leq 1,2$ mm	cái	70,000
137	24.UBVT.137	Lamen xét nghiệm, kích thước 24 x 50mm	Lamen xét nghiệm làm bằng thủy tinh trong suốt. Dùng để dán các mẫu mô đúc khối, trong cất lạnh, trong tế bào Phù hợp cho kính hiển vi quang học. Kích thước: 24 x 50mm.	cái	65,000
138	24.UBVT.138	Lam kính tính điện dương	Lam kính tích điện dương sạch và khử chất béo, trong suốt. Dùng cho nhuộm hoá mô miễn dịch thủ công, nhuộm hoá mô miễn dịch với máy nhuộm.	cái	10,000
139	24.UBVT.139	Mũ phẫu thuật	Nguyên liệu: vải không dệt không thấm và dây thun dẹt. Kích thước mũ con sâu: Rộng 2,2 ÷ 2,5cm x dài 19 ÷ 21cm. Đường kính kéo căng: 48 cm (+/-1cm)	cái	10,000
140	24.UBVT.140	Bút mỡ	Bút để khoan vùng hóa chất làm tăng phản ứng đo tập trung hóa chất, chiều dài đường kính đầu bút ≤ 5 mm	Cái	5
141	24.UBVT.141	Băng chỉ thị nhiệt hấp ướt	Chỉ thị nhiệt 24mm x 55m có Acrylic và vạch mực chỉ thị hóa học. - Vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua tiết khuẩn	Cuộn	40
142	24.UBVT.142	Túi ép đựng dụng cụ tiết khuẩn với chỉ thị hóa học 150mmX70m	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiết khuẩn bằng máy Sterrad: - Lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 4057B, giúp H2O2 thấm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ. - Lớp trong suốt giúp quan sát được dụng cụ bên trong, H2O2 không thấm thấu vào bằng mắt này - Có chỉ thị hóa học chuyển từ đỏ sang màu vàng - màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì (hoặc màu sáng hơn) khi tiếp xúc với H2O2 trong quá trình xử lý dụng cụ bằng máy Sterrad - Được chứng nhận tương thích với hệ thống tiết khuẩn Sterrad khi đóng gói 1 lớp và 2 lớp - Rộng : 150 mm, dài : 70 m.	Cuộn	5
143	24.UBVT.143	Túi ép đựng dụng cụ tiết khuẩn với chỉ thị hóa học 350mmX70m	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiết khuẩn bằng máy Sterrad: - Lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 4057B, giúp H2O2 thấm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ.	Cuộn	7

			<ul style="list-style-type: none"> -Lốp trong suốt giúp quan sát được dụng cụ bên trong, H2O2 không thấm thấu vào bằng mặt này - Có chỉ thị hóa học chuyển từ đỏ sang màu vàng - màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì (hoặc màu sáng hơn) khi tiếp xúc với H2O2 trong quá trình xử lý dụng cụ bằng máy Sterrad - Được chứng nhận tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Sierrad khi đóng gói 1 lớp và 2 lớp - Rộng : 350 mm, dài : 70 m. 	
144	24.UBVT.144	Bao đo huyết áp	<p>Tương thích với phần lớn các dòng Monitor theo dõi bệnh nhân thể giới: Nihon Kohden, Philips, BCI, Infinium, Spacelabs, Goldway, Mindray,....Sử dụng cho người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh.Có loại sử dụng 1 lần hoặc sử dụng nhiều lần, 1 dây hoặc 2 dây</p> <p>Dây từ TPU y tế được thiết kế đặc biệt với tiếng ồn thấp, che chắn hoàn toàn tạo các tín hiệu thực</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sử dụng các thành phần không chứa latex và tương thích sinh học * Có sẵn các đầu nối khác nhau cho dây điện tim để tương thích với hầu hết các máy điện tim * Dễ dàng trong làm sạch và khử trùng bằng cách ngâm hoặc lau bằng nhiều dung dịch khử trùng phổ biến. 	Cái
145	24.UBVT.145	Cáp điện tim	<p>Điện cực hút cho người lớn, chất liệu Niken, đường kính khoảng 3mm - 4mm. Đường kính hút 26mm.</p> <p>Điện cực kẹp chi cho người lớn, chất liệu Niken, đường kính khoảng 3mm - 4mm.</p>	Bộ
146	24.UBVT.146	Bộ cực ngược		Bộ
147	24.UBVT.147	Bộ kẹp chi	<ul style="list-style-type: none"> - Loại chân: 14 chân - Chiều dài dây: 3m - Đường kính dây: 4mm - Dùng cho máy Monitor Nihon Kohden 	Bộ
148	24.UBVT.148	Cáp đo SPO2	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài: Từ 25cm đến 30 cm; - Đường kính: Từ 6Fr đến 16Fr (6F, 7F, 8F, 10F, 12F, 14F, 16F); - Khả năng tương thích dây dẫn: 0.035 "; - Dẫn lưu làm bằng chất liệu polyurethane - Phần xoắn dạng đười lượn với lỗ thông lớn - Hệ thống ma sát thấp, chống xoắn, tương thích sinh học cao, đàn hồi tốt - Hệ thống locking - Tron bộ bao gồm: kim chọc sắc nhọn đầu hình tam giác, và dụng cụ làm thẳng ống dẫn lưu, ống dẫn lưu phủ Hydrophilic và khoá –locking 	Cái
149	24.UBVT.149	Bộ dẫn lưu ổ bụng, áp xe, mật, thân các loại, các cỡ		cái
150	24.UBVT.150	Chi không tiêu Polypropylene số 3/0	<p>Chi không tan, tổng hợp, đơn sợi, chất liệu Polypropylene và Polyethyleneglycol, Chi được nhuộm màu bằng Đồng Phthalocyanine. Sợi chỉ số 3-0, dài 90cm, 2 kim tròn, đầu nhọn, dài 26mm, kim cong 1/2 vòng tròn, loại kim được làm từ hợp kim bao gồm Chrome, Nickel, Cu, Ti và Molybdenum độ đàn hồi cao, được sơn phủ giúp kim sắc bén.</p>	Sợi

151	24.UBVT.151	Chi không tiêu Polypropylene số 4/0	Chi không tan, tổng hợp, đơn sợi, chất liệu Polypropylene và Polyethylenglycol, Chi được nhuộm màu bằng Đồng Phthalocyanine. Sợi chỉ số 4-0, dài 90cm, 2 kim tròn, đầu nhọn, dài 22mm và 17mm kim cong 1/2 và kim cong 3/8 vòng tròn, loại kim được làm từ hợp kim bao gồm Chrome, Nickel, Cu, Ti và Molybdenum độ đàn hồi cao, được sơn phủ giúp kim sắc bén.	Sợi	30
152	24.UBVT.152	Chi không tiêu Polypropylene số 5/0	Chi không tan, tổng hợp, đơn sợi, chất liệu Polypropylene và Polyethylenglycol, Chi được nhuộm màu bằng Đồng Phthalocyanine. Sợi chỉ số 5-0, dài 90cm, 75cm, 2 kim tròn, đầu nhọn, dài 17mm và 13mm, kim cong 1/2 vòng tròn, loại kim được làm từ hợp kim bao gồm Chrome, Nickel, Cu, Ti và Molybdenum độ đàn hồi cao, được sơn phủ giúp kim sắc bén.	Sợi	50
153	24.UBVT.153	Chi không tiêu Polypropylene số 6/0	Chi không tan, tổng hợp, đơn sợi, chất liệu Polypropylene và Polyethylenglycol, Chi được nhuộm màu bằng Đồng Phthalocyanine. Sợi chỉ số 6-0, dài 75cm, 2 kim kim tròn, đầu nhọn, dài 13mm, kim cong 3/8 vòng tròn, loại kim được làm từ hợp kim bao gồm Chrome, Nickel, Cu, Ti và Molybdenum độ đàn hồi cao, được sơn phủ giúp kim sắc bén.	Sợi	30
154	24.UBVT.154	Bộ dây truyền dịch an toàn, tránh ánh sáng truyền thuốc và hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài dây 180cm, dây có khả năng tránh ánh sáng - Đường kính trong dây: 3 mm. đường kính ngoài 4.1 mm - Có chức năng đuổi khí tự động và ngăn dịch tự động - Bao bì thân thiện với môi trường. - Có bầu đệm giọt 2 ngăn cứng - mềm - Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn và virus tại van thông khí - Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock - Chất liệu PUR - Cửa chích thuốc an toàn ngăn tai nạn do kim đâm vào tay điều dưỡng 	cái	11,000
155	24.UBVT.155	Bộ dây truyền dịch có bộ vi chỉnh giọt	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài dây 150cm - Đường kính trong dây: 3 mm. đường kính ngoài 4.1 mm - Có bộ điều chỉnh giọt từ 3ml/h - 270ml/h - Có khóa kẹp dừng truyền dịch tạm thời mà không cần chỉnh lại tốc độ truyền - Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí - Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock - Chất liệu PVC, chất làm mềm là DEHT (không có chất DEHP) 	cái	6,000